

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ AN NINH SECURITY SERVICE CONTRACT

(Số:)

(Number:)

Hôm nay, ngày tháng năm, Tại

Day of, (address)

Chúng tôi gồm có:/Including Parties below:

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ (BÊN A):/SERVICE USER (PARTY A):

.....

Địa chỉ:/Address:

Điện thoại:/Phone number:

Fax:/Fax:

Mã số thuế:/Tax code:

Tài khoản số:/Account Number:

Do ông (bà):/Represented by:

Chức vụ:/Position: làm đại diện/to legal represent.

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ (BÊN B):/SERVICE SUPPLIER (PARTY B):

.....

Địa chỉ:/Address:

Điện thoại:/Phone number:

Fax:/Fax:

Mã số thuế:/Tax code:

Tài khoản số:/Account Number:

Do ông (bà):/Represented by

Chức vụ:/Position: làm đại diện/to legal represent.

Hai bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng với những nội dung sau:/Parties agree to enter into a contract as follows:

ĐIỀU 1: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B/ARTICLE 1: RIGHTS AND OBLIGATIONS OF PARTY B

1.1. Nghĩa vụ của bên B:/Obligations of party B

Căn cứ theo nhu cầu bảo vệ của Bên A, Bên B có trách nhiệm bảo vệ tài sản và an ninh trật tự cho Bên A tại địa điểm:.....

Based on Party A's demand for protection, Party B is responsible for protecting property and security of Party A at the location:.....

Sau đây gọi là khu vực bảo vệ theo các hạng mục:

The following below are known as protection areas according to categories:

a) Bảo vệ an toàn các trang thiết bị, tài sản của Bên A.

a) Safely protect equipments, properties of Party A

b) Chủ động phát hiện để phòng chống các hành vi phá hoại hoặc đe dọa phá hoại cơ sở vật chất, kỹ thuật của Bên A theo đúng luật pháp Việt Nam.

c) Actively detect to prevent damages or threatens to damage infrastructure, technique of Party A in accordance with Vietnamese law

c) Thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về kiểm tra, kiểm soát, ghi chép sổ sách theo dõi hàng hóa, tài sản, người và phương tiện ra vào khu vực của Bên A.

c) Well perform protection duties, strictly comply with the provisions of inspecting, controlling, recording of tracking goods, assets, people and vehicles entering and leaving area of Party A.

d) Báo cáo đầy đủ và kịp thời các thông tin có liên quan đến tình hình bảo vệ tài sản và an ninh trật tự để Bên A có kế hoạch xử lý.

d) Fully and timely report information relevant to protection of property and security situations in order that Party A has resolution.

e) Thường xuyên tuần tra canh gác phát hiện kịp thời và xử lý trong khả năng cho phép các sự cố mất an toàn của Bên A (đặc biệt là an toàn PCCC).

e) Frequently patrol and guard in order to timely detect and handle in capability unsafe incidents of Party A (especially fire safety)

f) Có trách nhiệm kiểm tra vật dụng cá nhân của cán bộ, công nhân viên và khách của Bên A, kể cả các lái xe có quan hệ hợp đồng vận tải với Bên A khi ra vào khu vực bảo vệ trong trường hợp Bên A có quy định kiểm tra và các quy định đó phải phù hợp với luật pháp Việt Nam.

f) Responsible for checking personal belongings of officers, employees and customers of Party A, including drivers has a transportation contract with Party A when entering and leaving protection area in case Party A has terms of checking and those terms must be appropriate to Vietnamese law

g) Có trách nhiệm giám sát chặt chẽ việc vận chuyển rác thải, phế liệu ra khỏi khu vực bảo vệ của Bên A.

g) Responsible for strictly controlling transport garbage, waste out of protection area of Party A

h) Chủ động giải quyết các tình huống xảy ra ngoài thời gian làm việc nhằm mục đích bảo đảm an toàn cho Bên A đồng thời báo cáo ngay cho lãnh đạo của Bên A (theo địa chỉ ghi trong phần chú thích của hợp đồng).

h) Actively resolve situations occurring outside of working time in order to ensure safety of Party A and simultaneously report to the Party A's leadership (according to the address stated in the note of contract)

i) Có trách nhiệm gìn giữ bí mật sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Bên A.

i) Responsible for keeping the manufacturing business' secret and Party A's other works.

k) Kiểm tra, nhắc nhở nhân viên và khách đến làm việc chấp hành nội quy của Bên A.

k) Checking, reminding officers and customers coming to work to comply with Party A's regulations.

1.2. Quyền của bên B:/Rights of party B:

a) Được quyền bắt giữ ngay và lập biên bản kịp thời khi bắt quả tang các trường hợp phạm pháp theo luật pháp Việt Nam đối với bất kỳ ai có hành vi phá hoại, trộm cắp, lừa đảo, gian lận... để chiếm đoạt tài sản hoặc gây rối làm mất an toàn trật tự xã hội trong khu vực bảo vệ của Bên A, đồng thời phải thông báo ngay người có trách nhiệm của Bên A biết sự việc xảy ra.

a) Have the right to arrest immediately and make timely records whenever catch red-handed illegal cases based on Vietnamese law towards anyone committing the act of damage, thief, fraud, cheat,... in the purpose of appropriation of property or breach of the peace in Party A's protection area, simultaneously announce to the Party A's authorizers about the situations.

b) Bên B có quyền điều hành về nhân sự đối với nhân viên của mình. Chủ động triển khai các phương án bảo vệ đã thống nhất từ trước với Bên A.

b) Party B has the right to manage human resources over Party B's employees. Actively performing protection plans have been agreed before with Party A.

ĐIỀU 2. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A/ARTICLE 2: RIGHTS AND OBLIGATIONS OF PARTY A

2.1. Nghĩa vụ của bên A:/Obligations of party A

a) Bên A có trách nhiệm tạo các điều kiện thuận lợi cho Bên B thực hiện tốt nhiệm vụ. Cụ thể gồm:

a) Party A is responsible for greatly facilitating in order that Party B could perform the mission well. Including:

- Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết có liên quan đến tình hình bảo vệ, tài sản và an ninh trật tự cho Bên B.

- Fully provide necessary information relevant to security, property, protection situations to Party B.

- Thường xuyên duy trì việc trao đổi rút kinh nghiệm giữa các bên tham gia hợp đồng.

- Frequently maintain communication about learning from mistakes between parties in the contract.

b) Bên A tạo điều kiện cho Bên B hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình và tôn trọng danh dự phẩm giá con người của cán bộ, nhân viên Bên B.

b) Party A facilitates Party B to well complete the missions and respect personal honor and dignity of Party B's officers, employees.

c) Khi có tình huống cấp thiết mà Bên B thấy cần phải điều động thêm người và phương tiện để xử lý các sự cố xảy ra thì Bên A hỗ trợ cho Bên B với khả năng tốt nhất.

c) If an emergency happens and Party B notifies that maneuvering people and vehicles to resolve the issues is necessary, Party A has to support Party B with the best ability.

d) Cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất cho Bên B trong quá trình làm việc (phòng làm việc, điện thoại, bàn, tủ).

d) Fully provide infrastructure to Party B during work (office, phone, desk, cupboard)

e) Bên A không được tuyển dụng nhân viên bảo vệ đang làm việc cho Bên B sang làm việc cho Bên A sau khi hai bên chấm dứt hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ.

e) Party A must not hire any security guard working in process for Party B after parties terminate the security service contract.

2.2. Quyền của bên A:/Rights of Party A

Bên A có quyền tuyển dụng nhân viên bảo vệ làm việc cho Bên A thông qua cuộc tuyển dụng rộng rãi trên báo chí và truyền hình.

Party A has the right to hire security guards through the widespread recruitment in the press and on television.

ĐIỀU 3. QUY ĐỊNH NHÂN VIÊN BẢO VỆ VÀ TRANG BỊ CÔNG CỤ HỖ TRỢ/ARTICLE 3: SECURITY GUARDS AND SUPPORTING TOOLS EQUIPPED

3.1. Mức độ nhân viên bảo vệ được huấn luyện để triển khai tại mục tiêu như sau:/The level of security guards trained to deploy at the target as follows:

a) Nghiệp vụ bảo vệ và giao tiếp.

a) Security and communication operations.

b) Các kỹ năng giám sát cơ bản.

b) Basic supervisory skills

c) Nghiệp vụ ứng phó trong tình huống khẩn cấp.

c) Emergency response

d) Nghiệp vụ cấp cứu người bị nạn.

d) First-aid skills.

e) Nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy.

e) Fire prevention and fighting skills.

f) Võ thuật chiến đấu, cách sử dụng các công cụ hỗ trợ.

f) Martial art, the use of supported tools

g) Nhân viên bảo vệ phải được tuyển chọn kỹ, lý lịch rõ ràng, không khuyết tật bẩm sinh, không có tiền án, tiền sự, đã qua huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ, có sức khỏe tốt và có năng lực hoàn thành nhiệm vụ.

g) Security guards have to be carefully recruited, clean profile, no birth defects, no criminal records, have been trained to secure, have good health and be able to complete tasks.

h) Danh sách của đội bảo vệ (có ảnh 4 x 6) được gửi cho Bên A kèm theo bản hợp đồng này. Nếu bất kỳ nhân viên nào do Bên B cử đến bị phát hiện là không trung thực, thái độ tác phong làm việc không nghiêm túc hoặc không đảm bảo được quan hệ trong công tác, Bên A có quyền gửi văn bản yêu cầu Bên B thay đổi người.

h) List of security guards (picture sized 4 x 6) is sent to Party A along with this contract. If any employee sent by Party B turns out to be dishonest, have a facetious working attitude or being unable to maintain the relationship, Party A has the right to give notice demanding Party B to change employees.

3.2. Nhân viên bảo vệ không được có những hành vi sau: *Security guards must not have the behaviors below:*

a) Tự ý bỏ vị trí gác, trực.

a) Spontaneously leaving the guard and duty position.

b) Gây phiền hà trở ngại đối với công nhân, nhân viên của Bên A hoặc khách hàng có quan hệ giao dịch với Bên A.

b) Annoying officers, employees of Party A or customers have transactional relationships with Party A.

c) Hành vi không nghiêm túc, lơ là chây lười.

c) Facetious behaviors, idle attitude.

d) Ngủ trong giờ làm việc, hút thuốc và sử dụng các chất ma túy.

d) Napping during work, smoking and consuming drugs.

e) Đánh bài bạc trong giờ làm việc.

e) Gambling during work.

f) Uống rượu, bia trong giờ làm việc.

f) Drinking during work

g) Những hành vi khác mà Bên A nghiêm cấm quy định trong nội quy hoặc quy định của Bên A.

g) Other actions band according to the Party A's rules.

3.3. Trang thiết bị hỗ trợ thực hiện dịch vụ bảo vệ do Bên B cung cấp bao gồm: */Supported tools to perform security service provided by Party B include:*

a) Đồng phục theo mẫu của Công Ty Bảo Vệ.

a) Uniform of Security Company

b) Gậy cao su.

b) Rubber stick

ĐIỀU 4. THỜI GIAN LÀM VIỆC VÀ BỐ TRÍ LỰC LƯỢNG BẢO VỆ/ARTICLE 4: WORKING TIME AND SECURITY FORCE ARRANGEMENT

4.1. Thời gian làm việc: giờ/ngày, ngày/tuần.

4.1. Working time: hours/day, days/week.

4.2. Bố trí lực lượng bảo vệ:

4.2. Security force arrangement:

Ca 1: từ 07h00 đến 15h00 = người.

Shift 1: From 07h00 to 15h00 = people

Ca 2: từ 15h00 đến 23h00 = người

Shift 2: From 15h00 to 23h00 = people

Ca 3: từ 23h00 đến 07h00 = người

Shift 3: From 23h00 to 07h00 = people

ĐIỀU 5. GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN/ARTICLE 5: PRICE AND PAYMENT METHOD

5.1. Đơn giá: VND/tháng (Bằng chữ:)

5.1. Unit price: VND/month (Text:)

5.2. Hàng tháng Bên A thanh toán cho Bên B chi phí dịch vụ bảo vệ bằng tiền Việt Nam với mức tổng trị giá là: VND/tháng và được giữ nguyên trong suốt thời gian hợp đồng có hiệu lực.

5.2. Party A will monthly pay the security service fee to Party B in Vietnamese currency with the total value: VND/month and remain unchanged throughout the validity period of the contract.

Mức tổng trị giá trên đã bao gồm công cụ hỗ trợ và các chi phí liên quan đến nhân viên bảo vệ (chưa bao gồm 10% VAT).

The total value above has included supported tools and relevant fee to security guards (has not included 10% of VAT)

5.3. Việc thanh toán được thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Bên B.

5.3. The payment will be made in cash or by bank transferred to Party B's account.

5.4. Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A hóa đơn tài chính chậm nhất đến ngày thứ hàng tháng.

5.4. Party B is responsible for forwarding the financial invoice to Party B no later than the day of every month.

5.5. Bên A có trách nhiệm thanh toán số tiền dịch vụ theo hóa đơn của Bên B tại thời điểm Bên B chuyển hóa đơn cho Bên A.

5.5. Party A is responsible for paying the service fee according to Party B's invoice at the time that Party B forwards the invoice to Party A.

ĐIỀU 6. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI/ARTICLE 6. COMPENSATION

6.1. Nguyên tắc:/Rules:

a) Đối với những tổn thất, mất mát tài sản của Bên A trong phạm vi khu vực bảo vệ của Bên A (vào thời điểm Bên B bảo vệ) có nguyên nhân từ những hành vi đột nhập từ bên ngoài vào khu vực bảo vệ của Bên A thì bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại bằng tiền mặt cho Bên A.

a) If the loss, damages of Party A's property in the protection area of Party A (at the time of Party B's protection) are caused by intrusion from outside to the protection area of Party A, Party B is responsible for compensation in cash to Party A.

b) Đối với những tổn thất, mất mát tài sản Bên A trong phạm vi cơ sở của Bên A do những nguyên nhân an ninh khác (không đề cập ở phần trên) gây ra thì dựa trên cơ sở xác định lỗi và mức độ thiệt hại làm căn cứ bồi thường.

b) If the loss, damages of Party A's property in the protection area of Party A are caused by other security's reasons (are not mentioned above), based on determination of fault and level of damage as a basis of compensation.

6.2. Điều kiện bồi thường:/Compensation requires

a) Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những thiệt hại nêu trên khi và chỉ khi có các điều kiện dưới đây được thiết lập:

a) Party B will be responsible for compensating Party A for the above damages only if the following conditions are formed:

- Tài sản bị mất phải được bàn giao giữa hai bên thông qua việc niêm phong tài sản hoặc kiểm đếm cụ thể để bàn giao tài sản đó.

- Lost assets must be handed over by two parties through sealing assets or counting specifically to hand over those assets.

- Khẳng định Bên B có lỗi dựa trên kết quả điều tra mà hai bên lập và cùng nhau thống nhất hoặc đó là kết quả điều tra được ghi trong biên bản điều tra do cơ quan cấp quận, huyện trở lên thuộc ngành Công An của Việt Nam lập.

- *Affirm that Party B is at fault based on investigation results that been issued and mutually agreed upon by two parties or the investigation results are recorded in the investigation minutes established by district or higher level agencies belonging to Vietnam's Public Security*

- Bên A đã cung cấp đầy đủ cho Bên B các tài liệu gốc có liên quan để xác định số lượng, giá trị của các tài sản bị mất (căn cứ trên chứng từ kế toán hợp pháp nằm trong hệ thống tài chính kế toán của Bên A tại Việt Nam).

- *Party A has fully provided to Party B relevant original documents in order to determine quantity, value of the loss assets (based on legal accounting documents in Party A's financial and accounting system in Vietnam)*

b) Trong trường hợp bên B triển khai công tác bảo vệ mà hai bên vì một lý do nào đó không tiến hành xác lập biên bản bàn giao tài sản - hàng hóa thì nếu bên A báo mất tài sản - hàng hóa mà bên B đã chứng minh không có dấu hiệu đột nhập hoặc thoát ra bên ngoài tường rào, cổng chính thì bên A phải cung cấp những bằng chứng cụ thể và hợp pháp để chứng minh số tài sản - hàng hóa bị mất vào giai đoạn sau thời điểm bên B triển khai và do lỗi của bên B.

b) In case Party B deploys security work but for some reason two parties do not proceed to make a record of handover assets - products, if party A reports the loss of property - products but Party B has proven that there are no signs of breaking in or escaping outside of the fence, main gate, Party A must provide specific and legal evidence to prove that the property - products are lost in the period after Party B deploy and due to Party B's fault.

c) Bên B không chịu trách nhiệm trước Bên A về tất cả các thiệt hại, mất mát và tổn thất về tài sản của Bên A nếu những thiệt hại, mất mát và tổn thất đó xảy ra trong những khu vực thuộc cơ sở Bên A nhưng nhân viên bảo vệ Bên B không được phép vào theo quy định của Bên A.

c) Party B is not responsible for all the damages, loss and costs of Party A's property if the damages, loss and costs happen in Party A's area but Party B's security guards are not allowed in according to Party A's terms.

d) Bên B sẽ không có trách nhiệm bồi thường các thiệt hại, mất mát và tổn thất về hàng hóa, tài sản của Bên A nếu sau khi Bên B đã có kiến nghị với Bên A quá 01 lần bằng văn bản về việc Bên A cần thực hiện các biện pháp quản lý, đề phòng, ngăn ngừa tổn thất, mất mát và thiệt hại về tài sản của Bên A và nhân viên của Bên A nhưng Bên A không xem xét thực hiện những kiến nghị đó (những kiến nghị đó phải hợp lý và phải phù hợp với khả năng thực hiện của Bên A).

d) Party B is not responsible for the damages, loss and costs of Party A's products, assets if after Party B has requested to Party A more than one in writing about the necessary of managing and preventing damages, loss and costs of Party A and Party A's employees'

assets that Party A need to perform but Party A does not consider to perform those recommendations (the recommendations must be appropriate and reasonable to Party A's ability)

e) Bên B không chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những mất mát thuộc về tài sản cá nhân trong trường hợp nhân viên bảo vệ không được quyền giám sát những cá nhân đó.

e) Party B is not responsible for compensation to the personal loss in case security guards have no right to oversee those personal belongings.

ĐIỀU 7. MIỄN TRÁCH NHIỆM/ARTICLE 7: EXCLUDE ALL LIABILITY

Bên B sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với các sự cố bất khả kháng như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, sự thay đổi đột ngột về chính sách của chính phủ có liên quan tới trách nhiệm của Bên B.

Party B has no responsibility for force majeure clauses such as natural disasters, floods, fires, wars, sudden changes in government policies relevant to Party B's responsibility.

ĐIỀU 8. CHUYỂN NHƯỢNG HỢP ĐỒNG/ARTICLE 8: TRANSFER AGREEMENT

Nếu không được sự đồng ý của hai Bên (Bên A và Bên B), không bên nào được tự ý chuyển giao nghĩa vụ, quyền lợi ghi trong hợp đồng cho cá nhân, tổ chức khác hoặc cho chuyển nhượng hợp đồng.

If both parties have not agreed (Party A and Party B), none of the parties spontaneously transfer obligations, rights based on contract to another person, other organization or transfer the agreement.

ĐIỀU 9. ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG/

ARTICLE 9: UNILATERALLY TERMINATE CONTRACT

9.1. Trong trường hợp việc tiếp tục thực hiện công việc không có lợi cho bên A thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng, nhưng phải báo cho bên B biết trước một thời gian hợp lý; bên A phải trả tiền công theo phần dịch vụ mà bên B đã thực hiện và bồi thường thiệt hại.

9.1. In case extending the contract has no benefit to Party A, Party A may unilaterally terminate the contract; however, Party A must notify Party B a reasonable time in advance; Party A must pay service fee that Party B has performed and compensate.

9.2. Trong trường hợp bên A không thực hiện nghĩa vụ của mình hoặc thực hiện không đúng theo thỏa thuận thì bên B có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

9.2. In case Party A does not perform Party A's obligation or comply with the agreement, Party B unilaterally terminates the contract and demands for compensation.

ĐIỀU 10. TIẾP TỤC HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

ARTICLE 10. EXTEND SERVICE CONTRACT

Sau khi đã kết thúc thời hạn dịch vụ mà công việc chưa hoàn thành và bên B vẫn tiếp tục thực hiện công việc, còn bên A biết nhưng không phản đối thì hợp đồng dịch vụ đương nhiên được tiếp tục thực hiện theo nội dung đã thoả thuận cho đến khi công việc được hoàn thành.

After the end of service period, if the mission has not been completed and Party B continues performing work, Party A notices but has no comment, the service contract naturally extends to perform work until the work is completed.

ĐIỀU 11. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

ARTICLE 11. DISPUTE RESOLUTION

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tổ tụng trọng tài của Trung tâm này.

Any dispute arising out of or in connection with this Contract shall be resolved by arbitration at the Middle Commercial Arbitration Center (MCAC) in accordance with its Arbitration Rules.

ĐIỀU 12. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

ARTICLE 12. TERM OF CONTRACT

Hợp đồng này có hiệu lực trong vòng tháng kể từ ngày/...../..... đến ngày/...../..... Nếu vào ngày hết hạn nói trên hai bên không có ý kiến gì khác thì thời hạn hiệu lực của hợp đồng mặc nhiên kéo dài thêm mỗi lần tháng.

This contract is valid within month from date/...../..... to date/...../..... If on the above expiration date, both parties has no opinion, the term of contract will automatically be extended to month each time

Hợp đồng được lập thành (.....) bản, mỗi bên giữ một bản và có giá trị như nhau.

Contract is established into (.....) copies, each party has an equally valuable copy.

ĐẠI DIỆN BÊN A
REPRESENT OF PARTY A

(Ký tên, đóng dấu)
(Sign, mark)

ĐẠI DIỆN BÊN B
REPRESENT OF PARTY B

(Ký tên, đóng dấu)
(Sign, mark)